

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST

Ngày 30/7/2024

(V/v: Ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Đức Thụy** và ông **Nguyễn Tất Trọng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa bà - **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2024 về việc ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-DS, ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1993.(Vắng mặt)

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1991.( Vắng mặt)

Nghề nghiệp: Công nhân.

Đều trú tại: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Chị Vũ Thị T trình bày; Chị và anh Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, Ủy ban nhân dân xã V(nay là Văn H), huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/7/2019. Sau khi kết hôn, Vợ chồng anh, chị sống hòa

thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ chời bởi lơ đề dẫn đến nợ nần thường xuyên, ngoài ra anh còn có các mối quan hệ trai gái không lành mạnh, rượu chè triền miên hay say sỉn ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống của chị, mặc dù chị và gia đình khuyên bảo, tìm biện pháp để anh Đ cải sửa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn không được cải thiện mà xảy ra nhiều hơn, chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 06 năm 2023. Đến nay, chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn được nữa, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ.

\*Về con chung: Chị T xác định 01 con chung là: Nguyễn Hoàng A sinh ngày 22/5/2023. Hiện cháu A đang ở cùng chị và gia đình. Nay ly hôn chị xin nuôi cháu A vì cháu còn bé dưới 36 tháng tuổi, chưa cai sữa cần sự chăm sóc của mẹ. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

\*Về tài sản chung : Chị T xác định chưa có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình sống chung do hai bên có xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

. \* Về Con chung: Anh Đ xác định có 01 chung là: Nguyễn Hoàng A sinh ngày 22/5/2023 hiện ở với mẹ, nay ly hôn anh nhất trí để chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định

\*Về tài sản chung : Anh Đ xác định chưa có tài sản gì chung.

**Tại phiên toà:** Chị Vũ Thị Thanh g nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ và xin nuôi con chung, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án báo anh đến phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải anh vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Chị Phạm Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ đã chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX: áp dụng Điều 55 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Áp dụng Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử. công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là: Nguyễn Hoàng A sinh ngày 22/5/2023. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, nhận thấy:

#### **[1]. Về tố tụng:**

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ có địa chỉ ở thôn C xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

2.1. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, anh Đ đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, chị T có đơn xin xử vắng; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ, chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2]. Về nội dung:**

2.1. Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn chị Vũ Thị T yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ, yêu cầu xin nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

2.2. Về điều kiện kết hôn: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/07/2019, tại thời điểm kết hôn chị T và anh Đ hoàn toàn tự nguyện, không bị gò ép, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình là hợp pháp.

[3]. *Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị T:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh Đ chung sống hòa thuận được 04 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, không cùng chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình, theo chị T khai; do anh Đ chơi bời lô đề dẫn đến nợ nần thường xuyên, ngoài ra anh còn có các mối quan hệ trai gái không lành mạnh, rượu chè triền miên say sảng ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống của chị, mặc dù chị và gia đình khuyên

bảo, tìm biện pháp để anh Đ cải sửa nhưng không có kết quả. Chị T về sống tại gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 06/2023 đến nay. Chị T và anh Đ xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng đều nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đ đã thực sự trầm trọng, hai bên không có sự tôn trọng yêu thương nhau, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa cho Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. **Về Con chung:** Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ đã xác định có một con chung là Nguyễn Hoàng A sinh ngày 22/5/2023. Hiện cháu A đang ở cùng chị T và gia đình. Chị T và anh Đ nhất trí để Chị T tiếp tục nuôi cháu A đến khi cháu tròn 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với pháp luật bởi: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi con, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của con. Do vậy, cần giao con Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/5/2023, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. **Về tài sản chung:** Chị T, anh Đ không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[6]. **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Vũ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ.

Về Con C: Giao con Nguyễn Hoàng A sinh ngày 22/5/2023, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T tự nguyện nộp 150.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/23/0003570 ngày 20/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Hoàn trả chị T 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Vũ Minh Hải**